DANH MỤC ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 XÃ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng Thêm		
1		3=4+5	4	5	6	7
	Tổng cộng	**10957,87**	**102,74**	**10855,13**		
	I. Đất nông nghiệp	**1872,57**	**0,00**	**1872,57**		
	1. Đất sản xuất nông nghiệp	**1655,24**	**0,00**	**1655,24**		
	1.1. Đất trồng cây hàng năm khác	**243,70**	**0,00**	**243,70**		
1	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,30		0,30	Phường Cam Giá	2021-2030
2	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,20		0,20	Phường Chùa Hang	2021-2030
3	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,45		0,45	Phường Đồng Bẩm	2021-2030
4	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,23		0,23	Phường Đồng Quang	2021-2030
5	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,53		0,53	Phường Gia Sàng	2021-2030
6	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,30		0,30	Phường Hương Sơn	2021-2030
7	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây	1,00		1,00	Phường Phú Xá	2021-2030

	hàng năm					
8	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,10		0,10	Phường Quang Vinh	2021-2030
9	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,80		0,80	Phường Tân Lập	2021-2030
10	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,60		0,60	Phường Tân Long	2021-2030
11	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,80		0,80	Phường Tân Thành	2021-2030
12	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,40		0,40	Phường Tân Thịnh	2021-2030
13	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,70		0,70	Phường Thịnh Đán	2021-2030
14	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,65		0,65	Phường Tích Lương	2021-2030
15	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,50		0,50	Phường Trung Thành	2021-2030
16	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,02		0,02	Phường Trưng Vương	2021-2030
17	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	1,00		1,00	Phường Túc Duyên	2021-2030
18	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	5,00		5,00	Xã Cao Ngạn	2021-2030
19	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	6,50		6,50	Xã Đồng Liên	2021-2030
20	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	3,00		3,00	Xã Huống Thượng	2021-2030
21	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	4,30		4,30	Xã Linh Sơn	2021-2030

22	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	2,00		2,00	Xã Phúc Hà	2021-2030
23	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	2,32		2,32	Xã Phúc Trìu	2021-2030
24	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	2,40		2,40	Xã Phúc Xuân	2021-2030
25	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	1,50		1,50	Xã Quyết Thắng	2021-2030
26	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	4,20		4,20	Xã Sơn Cẩm	2021-2030
27	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	3,10		3,10	Xã Tân Cương	2021-2030
28	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây hàng năm	0,80		0,80	Xã Thịnh Đức	2021-2030
29	Quy hoạch vùng trồng rau công nghệ cao	200,00		200,00	Xã Linh Sơn, Huống Thượng, Đồng Liên, Thịnh Đức, TPTN	2021-2030
	1.2. Đất trồng cây lâu năm	**1411,54**	**0,00**	**1411,54**		
30	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	5,00		5,00	Phường Cam Giá	2021-2030
31	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,30		0,30	Phường Chùa Hang	2021-2030
32	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,50		0,50	Phường Đồng Bẩm	2021-2030
33	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,10		0,10	Phường Đồng Quang	2021-2030
34	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,30		0,30	Phường Gia Sàng	2021-2030
35	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,40		0,40	Phường Hương Sơn	2021-2030

36	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	5,00		5,00	Phường Phú Xá	2021-2030
37	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,40		0,40	Phường Quan Triều	2021-2030
38	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,10		0,10	Phường Quang Trung	2021-2030
39	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,50		0,50	Phường Quang Vinh	2021-2030
40	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	1,00		1,00	Phường Tân Lập	2021-2030
41	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	1,14		1,14	Phường Tân Long	2021-2030
42	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,85		0,85	Phường Tân Thành	2021-2030
43	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,60		0,60	Phường Tân Thịnh	2021-2030
44	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,54		0,54	Phường Thịnh Đán	2021-2030
45	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,80		0,80	Phường Tích Lương	2021-2030
46	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,50		0,50	Phường Trung Thành	2021-2030
47	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,80		0,80	Phường Túc Duyên	2021-2030
48	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	5,00		5,00	Xã Cao Ngạn	2021-2030
49	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	4,70		4,70	Xã Đồng Liên	2021-2030
50	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	3,25		3,25	Xã Huống Thượng	2021-2030

51	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	3,56		3,56	Xã Linh Sơn	2021-2030
52	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	3,22		3,22	Xã Phúc Hà	2021-2030
53	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	4,23		4,23	Xã Phúc Trìu	2021-2030
54	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	3,85		3,85	Xã Phúc Xuân	2021-2030
55	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	0,80		0,80	Xã Quyết Thắng	2021-2030
56	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	4,00		4,00	Xã Sơn Cẩm	2021-2030
57	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	3,00		3,00	Xã Tân Cương	2021-2030
58	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất trồng cây lâu năm	2,10		2,10	Xã Thịnh Đức	2021-2030
59	Bảo tồn và phát triển vùng chè đặc sản tân cương	500,00		500,00	Xã Tân Cương, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Thịnh Đức,, Phúc Hà, Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
60	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ tái có cấu sản xuất vùng sản xuất chè huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, TP Thái Nguyên	5,00		5,00	TP. Thái Nguyên	2021-2025
61	Dự án bảo tồn và phát triển chè Trung Du	150,00		150,00	Xã Tân Cương	2021-2030
62	Đề án sản xuất chè công nghệ cao	600,00		600,00	Xã Tân Cương, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Thịnh Đức,, Phúc Hà, Quyết Thắng, TPTN	2021-2025

63	Quy hoạch vùng trồng cây ăn quả công nghệ cao	100,00		100,00	Xã Đồng Liên, Linh Sơn, Thịnh Đức, TPTN	2021-2030
	2. Đất lâm nghiệp	**216,02**	**0,00**	**216,02**		
	2.1. Đất rừng sản xuất	**216,02**	**0,00**	**216,02**		
64	Quy hoạch rừng sản xuất	216,02		216,02	TP. Thái Nguyên	2021-2030
	2.2. Đất rừng phòng hộ	**0,00**	**0,00**	**0,00**		
	2.3. Đất rừng đặc dụng	**0,00**	**0,00**	**0,00**		
	3. Đất nuôi trồng thuỷ sản	**0,00**	**0,00**	**0,00**		
	4. Đất nông nghiệp khác	**1,31**	**0,00**	**1,31**		
65	Vườn ươm cây tại xóm Nam Tân Cương	1,31		1,31	Xã Tân Cương, TPTN	2021-2030
	II. Đất phi nông nghiệp	**9085,30**	**102,74**	**8982,56**		
	1. Đất ở	**6125,11**	**58,22**	**6066,89**		
	1.1. Đất ở đô thị	**3753,80**	**51,03**	**3702,77**		
66	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	1,20		0,30	Phường Cam Giá	2021-2030
67	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,32		0,32	Phường Chùa Hang	2021-2030
68	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,60		0,60	Phường Đồng Bẩm	2021-2030
69	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,10		0,10	Phường Đồng Quang	2021-2030
70	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,15		0,15	Phường Gia Sàng	2021-2030
71	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,05		0,05	Phường Hoàng Văn Thụ	2021-2030
72	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	1,30		1,30	Phường Hương Sơn	2021-2030
73	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	1,00		1,00	Phường Phan Đình Phùng	2021-2030
74	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	6,00		0,80	Phường Phú Xá	2021-2030
75	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	3,20		1,00	Phường Quan Triều	2021-2030

76	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,50		0,50	Phường Quang Trung	2021-2030
77	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,50		0,50	Phường Quang Vinh	2021-2030
78	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	4,50		1,00	Phường Tân Lập	2021-2030
79	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	4,30		1,00	Phường Tân Long	2021-2030
80	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	1,20		1,20	Phường Tân Thành	2021-2030
81	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	1,20		0,80	Phường Tân Thịnh	2021-2030
82	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,78		0,50	Phường Thịnh Đán	2021-2030
83	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	1,00		0,60	Phường Tích Lương	2021-2030
84	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,50		0,50	Phường Trung Thành	2021-2030
85	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,05		0,05	Phường Trưng Vương	2021-2030
86	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị	0,50		0,50	Phường Túc Duyên	2021-2030
87	Đấu giá quyền sử dụng đất	30,00		30,00	TP. Thái Nguyên	2021-2030
88	Đấu giá đất tại phường Phú Xá	0,08		0,08	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
89	Đấu giá trạm bảo vệ thực vật huyện Đồng Hỷ cũ	0,10		0,10	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
90	Đấu giá ngân hàng chính sách huyện Đồng Hỹ cũ					
91	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	6,73	4,63	2,10	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
92	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên	6,85	6,40	0,45	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030

	đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến					
93	Khu dân cư số 5 phường Quang Vinh	1,54		1,54	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
94	Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng (tên cũ là khu đô thị TMS Bắc Sơn)	16,38		16,38	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
95	Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng (tên cũ là khu đô thị TMS Bắc Sơn)	31,15		31,15	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
96	Đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng khu dân cư số 5 phường Phan Đình Phùng	0,69		0,69	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
97	Xây dựng, cải tạo hạ tầng khu dân cư tại tổ dân phố 11, phường Phan Đình Phùng	0,08		0,08	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
98	Nhà ở thương mại số 1, tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0,24		0,24	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
99	Nhà ở thương mại số 2, tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0,58		0,58	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
100	Khu đô thị TNGreen	18,81		18,81	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
101	Khu Tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, TPTN	8,16		8,16	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
102	Khu tái định cư số 5 phường Tân Lập	7,80		7,80	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
103	Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập	0,50		0,50	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
104	Khu dân cư số 5 Việt Bắc, phường Tân Lập	0,13		0,13	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
105		12,60		12,60	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
106	Khu tái định cư số 4 phường Tân Lập, TPTN.	11,46		11,46	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
107	Khu dân cư đồi bà Năm phường Đồng Bẩm	1,76		1,76	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
108	Khu dân cư số 2 phường Quang Trung	0,22		0,22	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
109	Khu dân cư 7B phường Túc	0,08		0,08	Phường Túc	2021-

	Duyên				Duyên, TPTN	2030
110	Khu dân cư số 5, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	12,90		12,90	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
111	Khu dân cư Ban Tích tại ngõ 536 đường CMT8 (thuộc đồ án quy hoạch khu dân cư số 5, phường Gia Sàng)	0,64		0,64	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
112	Khu đô thị Thái Hưng Ecocity II	21,20		21,20	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
113	Khu đô thị tổ 3 phường Gia Sàng thành phố Thái Nguyên	1,90		1,90	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
114	Khu dân cư tổ 7 phường Tân Lập, TPTN	12,76		12,76	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
115	Khu dân cư 11A phường Tân Lập, TPTN.	0,34		0,34	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
116	Khu dân cư tổ 12,13 phường Trung Thành	1,00		1,00	Phường Trung Thành	2021-2030
117	Khu tái định cư liên tổ 19+20 phường Trung Thành	5,00		5,00	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
118	Khu dân cư số 6 phường Thịnh Đán	0,85		0,85	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
119	Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán	0,50		0,50	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
120	Khu dân cư tổ 4 phường Thịnh Đán	20,50		20,50	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
121	Xây dựng cấp bách Khu dân cư số 3 phường Quang Trung	0,01		0,01	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
122	Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	4,25		4,25	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
123	Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	1,46		1,46	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
124	Khu đô thị tổ 8B phường Tân Lập	13,01		13,01	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
125		0,10		0,10	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
126	Mở rộng khu dân cư số 1 đường Việt Băc phường Tân Lập	7,22		7,22	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
127	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc phường Tân Lập	5,80		5,80	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030

128	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	5,80		5,80	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
129	Khu tái định cư tổ 3 phường Tân Lập (phần mở rộng)	1,25		1,25	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
130	Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	0,50		0,50	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
131	Khu dân cư số 4 phường Tân Lập	3,37		3,37	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
132	Khu dân cư số 4 Việt Bắc, phường Tân Lập	3,73		3,73	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
133	Khu dân cư số 5, phường Tân Lập	2,34		2,34	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
134	Khu dân cư số 6 Việt Bắc, phường Tân Lập	3,26		3,26	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
135	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	0,78		0,78	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
136	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	0,67		0,67	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
137	Khu dân cư số 3 phường Quan Triều	0,77		0,77	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
138	Khu dân cư số 3, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên (phần mở rộng)	3,80		3,80	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
139	Khu tái định cư tổ 3, phường Tân Lập	3,60		3,60	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
140	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	7,29		7,29	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
141	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	0,12		0,12	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
142	Khu dân cư Tân lập -Thịnh Đán khu số 1	20,51		20,51	Phường Tân Lập, phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
143	Khu đô thị phường Tân Lập - Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (khu số 2)	2,31		2,31	Phường Tân Lập, phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
144	Khu đô thị 10A phường Tân Lập	2,69		2,69	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030

145	Hạ tầng Khu tái định cư thực hiện xây dựng hạng mục cầu Bến tượng thuộc Chương trình đô thị miền núi phía bắc - TPTN giai đoạn II tại khu tái định cư số 2 trường Đại học Việt Bắc	0,70		0,70	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
146	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại khu dân cư xóm Tân Thành, phường Đồng Bẩm (Giai đoạn 2)	7,48		7,48	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
147	Quy hoạch khu dân cư Văn Thánh - Tân Thành (Khu quy hoạch công viên cây xanh xã Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên	31,00		31,00	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
148	Rạp chiếu bóng tỉnh Thái Nguyên, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0,73		0,73	Phường Trưng Vương	2021-2030
149	Trụ sở công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên, phường Tân Thịnh thành phố Thái Nguyên	0,50		0,50	Phường Tân Thịnh	2021-2030
150	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại khu dân cư xóm Tân Thành, phường Đồng Bẩm (Giai đoạn 1)	6,40		6,40	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
151	Khu dân cư tổ dân phố Nhị Hòa, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên	19,10		19,10	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
152	Khu dân cư xóm Đồng Bẩm	0,05		0,05	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
153	Khu dân cư và khu đô thị Đồng Bẩm - Chùa Hang	150,00		150,00	Phường Đồng Bẩm, Chùa Hang	2021-2030
154	Xây dựng Khu dân cư đồi Yên Ngựa	0,03		0,03	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
155	Khu dân cư tổ 4	2,17		2,17	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030

156	Xây dựng cấp bách đường nối từ Khu dân cư A1 - A2 đến Khu dân cư sau Chợ Minh Cầu phường Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên (hạng mục khu tái định cư)	0,20		0,20	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
157	Tòa nhà chung cư hỗn hợp CT2-khu đô thị Xương Rồng	0,54		0,54	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
158	Khu dân cư 11B, phường Tân Lập	1,31		1,31	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
159	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài	12,80		12,80	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
160	Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư Việt Bắc, phường Quang Trung	0,81		0,81	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
161	Nhà ở thương mại TNG Village	0,37		0,37	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
162	Đường nối từ đường Minh Cầu vào nhà ở xã hội TNG, phường PĐP	0,31		0,31	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
163	Trung tâm thiết kế thời trang TNG, phường HVT (giai đoạn 2)	0,21		0,21	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2021-2030
164	Khu dân cư số 5, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	2,67		2,67	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
165	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư số 4 phường Tân Thịnh	0,09		0,09	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
166		0,64		0,64	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
167	Khu đô thị An Phú	18,54		18,54	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
168		10,34		10,34	Phường Đồng Quang, TPTN	2021-2030
169	Khu dân cư HAVICO phường Đồng Quang	4,87		4,87	Phường Đồng Quang, TPTN	2021-2030
170	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	0,25		0,25	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030

171		37,22		37,22	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
172		19,43		19,43	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
173	Khu dân cư số 5B phường Túc Duyên, TPTN	17,96		17,96	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
174	Quy hoạch khu dân cư Tổ 4 phường Thịnh Đán (Quỹ đất dọc đường Bắc Sơn kéo dài vào khu hồ Núi Cốc, phường Thịnh Đán	20,50		20,50	Phường Thịnh Đán	2021-2030
175	Khu đô thị số 8, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	27,70		27,70	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
176	Khu dân cư thuộc phường Tân Long, phường Quan Triều, xã Phúc Hà	60,00		60,00	Phường Tân Long, phường Quan Triều, xã Phúc Hà	2021-2030
177	Khu dân cư sau UBND xã Sơn Cẩm	26,00		26,00	Xã Sơn Cẩm	2021-2030
178	Khu Đồng Xe xã Sơn Cẩm	34,00		34,00	Xã Sơn Cẩm	2021-2030
179	Khu Cao Ngạn xã Cao Ngạn (03 vị trí)	87,00	20,00	67,00	Xã Cao Ngạn	2021-2030
180	Khu Nhị Hòa, phường Đồng Bẩm - BQLDATP đã làm 10 ha	20,00		20,00	Phường Đồng Bẩm	2021-2030
181	Khu dân cư Thái Sơn 1 và xóm Cây Xanh xã Quyết Thắng (khu đô thị sinh viên cũ)	50,00		50,00	Xã Quyết Thắng	2021-2030
182	Khu Linh Sơn Huống Thượng xã Linh Sơn, xã Huống Thượng	170,00	20,00	150,00	Xã Linh Sơn, xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
183	Khu đô thị Cao Ngạn (Cổ Rùa) xã Cao Ngạn	20,00		20,00	Xã Cao Ngạn	2021-2030
184	Khu dân cư số 5 phường Túc Duyên	4,50		4,50	Phường Túc Duyên	2021-2030
185	Khu dân cứ số 10 phường Gia Sàng	10,28		10,28	Phường Gia Sàng	2021-2030
186	Khu đất còn lại của Đại học Việt Bắc, phường Đồng Bẩm	10,28		10,28	Phường Đồng Bẩm	2021-2030

187	Khu đất quy hoạch vườn hoa phường Túc Duyên, tổ 5 phường Túc Duyên	0,23		0,23	Phường Túc Duyên	2021-2030
188	Khu đất nhà kho của Chi cục thủy lợi Thái Nguyên, phường Túc Duyên	0,08		0,08	Phường Túc Duyên	2021-2030
189	Khu đất phía sau bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam, phường Trưng Vương	0,27		0,27	Phường Trưng Vương	2021-2030
190	Khu dân cư thôn Cậy xã Huống Thượng	6,00		6,00	Xã Huống Thượng	2021-2030
191	Khu dân cư Sông Đà (tổ 7 phường Gia Sàng)	27,5		27,5	Phường Gia Sàng	2021-2030
192	Khu đất còn lại của Nhà máy nước Thái Nguyên, phường Trưng Vương	0,65		0,65	Phường Trưng Vương	2021-2030
193	Sở xây dựng cũ, số 5/1 đường Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên	0,71		0,71	Phường Hoàng Văn Thụ	2021-2030
194	Quỹ đất khu đô thị Hưng Thịnh và Thịnh An, phường Thịnh Đán và Xã Quyết Thắng	28,60		28,60	Thịnh Đán, Quyết Thắng	2021-2030
195	Khách sạn Trung Tín, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương	0,48		0,48	Phường Trưng Vương	2021-2030
196	Quy hoạch nhà máy gạch không nung, phường Quang Vinh	15,00		15,00	Phường Quang Vinh	2021-2030
197	Sân vận động tỉnh Thái Nguyên, phường Trưng Vương	4,00		4,00	Phường Trưng Vương	2021-2030
198	Trường Mầm non 19/5 (UNICEF), Phường Hoàng Văn Thụ	1,10		1,10	Phường Hoàng Văn Thụ	2021-2030
199	Khu đất bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên, phường Tân Thịnh	2,00		2,00	Phường Tân Thịnh	2021-2030
200	Khu dân cư số 7C	15,40		15,30	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
201	Khu đô thị tổ 11 phường Túc Duyên	1,69		1,69	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
202	Khu dân cư Viettime Thái Nguyên, Túc Duyên	4,47		4,47	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030

203	Khu tái định cư phục vụ mở rộng khai trường sản xuất của công ty than Khánh Hòa	3,06		3,06	Phường Tân Long, TPTN	2021-2030
204	Khu dân cư tổ 13, phường Túc Duyên	7,69		7,69	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
205	Khu dân cư số 12, phường Thịnh Đán	3,65		3,65	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
206	Khu dân cư số 5 Túc Duyên (hạng mục đường vào trường Chuyên Thái Nguyên)	0,90		0,90	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
207	Khu dân cư số 5 Túc Duyên (Ban QLDA)	0,13		0,13	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
208	Khu dân cư 7A phường Túc Duyên, TPTN (Hạng mục đường và hệ thống thoát nước)	0,03		0,03	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
209	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại Khu dân cư số 8 phường Túc Duyên thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	0,50		0,50	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
210	Khu dân cư số 8 Túc Duyên (giai đoạn 2)	5,00		5,00	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
211	Xây dựng Khu dân cư 1,3,4 và Khu dân cư số 5 Đồng Quang	0,50		0,50	Phường Đồng Quang, TPTN	2021-2030
212	Khu dân cư tổ 17, phường Đồng Quang TPTN	5,83		5,83	Phường Đồng Quang, TPTN	2021-2030
213	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị kết nối khu Di tích lịch sử thanh niên xung phong Đại đội 915 và trung tâm hoạt động thanh thiếu niên theo hình thức đối tác công tư (PPP) - Hợp đồng BT	15,31		15,31	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
214	Khu dân cư số 11 phường Gia Sàng (giáp Kosy)	18,60		18,60	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
215	Khu dân cư kosy Gia Sàng	7,17		7,17	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
216	Khu dân cư số 5, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	8,82		8,82	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
217	Khu đô thị mới Thái Hưng Ecocity	35,40		35,40	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030

218	Khu dân cư Tân Lập - Thịnh Đán TPTN (Khu số 3)	34,72		34,72	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
219	Khu dân cư Tân Lập - Thịnh Đán TPTN (Khu số 4)	7,76		7,76	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
220	Khu dân cư phường Tân Lập - Thịnh Đán (khu số 5)	11,28		11,28	Phường Thịnh Đán, Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
221	Khu dân cư số 6 (giai đoạn 2), phường Thịnh Đán	0,27		0,27	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
222	Xây dựng cấp bách khu tái định cư hai bên đường Quốc lộ 17, đoạn qua chợ Núi Voi, phường Chùa Hang	1,92		1,92	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
223	Khu dân cư phường Phú Xá	4,38		4,38	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
224	Khu dân cư phường Tân Thịnh, phường Quang Trung, xã Quyết Thắng	1,70		1,70	Phường Tân Thịnh, Quyết Thắng, Quang Trung, TPTN	2021-2030
225	Mở rộng khu chung cư TBCO phường Quang Vinh	5,30		5,30	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
226	Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	8,21		8,21	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
227		8,11		8,11	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
228	Khu đất dự kiến hoàn vốn cho đầu tư xây dựng hạ tầng khu hành chính mới, huyện Đồng Hỷ	10,05		10,05	Phường Chùa Hang, Phường Đồng Bẩm, TPhường TN	2021-2030
229	Khu dân cư tổ 3, phường Phú Xá, TPTN	10,73		10,73	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
230		2,21		2,21	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
231	Khu dân cư 2 bên đường Huống Thượng - Chùa Hang (Đoạn qua cổng phường Chùa Hang và phường Đồng Bẩm	15,00		15,00	Phường Chùa Hang, Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030

232	Xây dựng đường Bắc Sơn, đường Minh Cầu (đoạn nối đường Bắc Sơn) và Khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ	0,82		0,82	Phường Hoàng Văn Thụ	2021-2030
233	Dự án khu nhà ở Bắc Sơn - Sông Hồng	13,79		13,79	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2021-2030
234	Khu dân cư Đài Bắc	1,00		1,00	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
235	Khu đô thị Hồ Xương Rồng	1,00		1,00	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
236	Khu dân cư hồ điều hòa Xương Rồng	2,00		2,00	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
237	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	19,80		19,80	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
238		0,26		0,26	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
239	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thanh niên Xung phong và xây dựng HTKT khu dân cư hai bên đường	0,83		0,83	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
240	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 6 Túc Duyên	1,47		1,47	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
241	Mở rộng khu dân cư mới phường Tân Thịnh	2,00		2,00	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
242	Khu đô thị mới Tích Lương	287,23		287,23	Phường Tích Lương	2021-2030
243	Khu nhà ở Thủy Lợi	0,92		0,92	Phường Quang Trung	2021-2030
244	Khu dân cư số 12 Gia Sàng	12,00		12,00	Phường Gia Sàng	2021-2030
245	Khu đô thị số 1 Phú Xá	79,00		79,00	Phường Phú Xá	2021-2030
246	Khu đô thị số 2 Phú Xá	69,00		69,00	Phường Phú Xá	2021-2030
247	Đấu giá quyền sử dụng đất Nhà máy cơ khí 19-5 Công ty kim loại màu	8,46		8,46	Phường Tân Lập	2021-2030
248	Khu dân cư số 5 Thịnh Đán	3,51		3,51	Phường Thịnh Đán,	2021-2030

					TPTN	
249	Nâng cấp, sửa chữa các khu chung cư cũ	0,54		0,54	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
250	Xây dựng cải tạo khu dân cư Lưu Nhân Chú	1,15		1,15	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
251	Khu dân cư liền kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	4,13		4,13	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
252	Khu đô thị tại phường Hượng Sơn	50,00		50,00	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
253	Khu dân cư Nam Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	0,07		0,07	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
254	Khu đô thị phía Nam thành phố Thái Nguyên (khu số 2)	4,18		4,18	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
255	Khu đô thị Nam sông Cầu	73,80		19,52	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
256	Dự án xây dựng khu đô thị HTD City	1,90		1,90	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
257	Khu nông nghiệp công nghệ cao và khu tái định cư trường Đại học Việt Bắc	0,49		0,49	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
258	Khu liên hợp Trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Picenza Plaza Thái Nguyên	2,69		2,69	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
259	Khu liên hợp Trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Picenza 2	0,26		0,26	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
260	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu phố Châu Âu bên bờ sông Cầu	4,64		4,64	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
261	Khu dân cư số 9 phường Thịnh Đán (không có bản vẽ)	2,28		2,28	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
262	Quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu đô thị khu vực	150,00		150,00	Phường Tân Long, Quan	2021-2030

	phía bắc TPTN				Triều, Phúc Hà	
263	Khu đô thị, khu dân cư phía Nam	500,00		500,00	Phường Tân Thành, Trung Thành, Cam Giá	2021-2030
264	Các khu đô thị ở phía Tây thành phố	1000,00		1000,00	Phường Thịnh Đán, Xã Tân Cương, xã Phúc Trìu	2021-2030
265	Nhà ở xã hội cho CBCS công an thành phố	2,50		2,50	TP. Thái Nguyên	2021-2030
266	Nhà ở xã hội cho CBCS công an tỉnh	3,00		3,00	TP. Thái Nguyên	2021-2030
267	Xây dựng hạ tầng khu dân cư số 4,5 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	3,42		3,42	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
	1.2 Đất ở nông thôn	**2371,31**	**7,19**	**2364,12**		
268	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	5,00		5,00	Xã Cao Ngạn	2021-2030
269	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	4,00		4,00	Xã Đồng Liên	2021-2030
270	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	4,20		4,20	Xã Huống Thượng	2021-2030
271	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	3,40		3,40	Xã Linh Sơn	2021-2030
272	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	2,20		2,20	Xã Phúc Hà	2021-2030
273	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	2,40		2,40	Xã Phúc Trìu	2021-2030
274	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	3,20		3,20	Xã Phúc Xuân	2021-2030
275	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	6,50		6,50	Xã Quyết Thắng	2021-2030
276	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	4,30		4,30	Xã Sơn Cẩm	2021-2030
277	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	3,40		3,40	Xã Tân Cương	2021-2030
278	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở nông thôn	2,50		2,50	Xã Thịnh Đức	2021-2030
279	Đấu giá quyền sử dụng đất	80,00		80,00	TP. Thái	2021-

					Nguyên	2030
280	Khu tái định cư số 1, xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng	1,26		1,26	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
281	Xây dựng Khu tái định cư số 1 xóm Gò Móc, xã Quyết Thắng	0,20		0,20	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
282	Khu nhà ở xã hội xóm Gò Móc, xã Quyết Thắng	5,00		5,00	Xã Quyết Tháng, TPTN	2021-2030
283	Khu đô thị Thành Nam	37,67		37,67	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
284	Khu đô thị Quyết Thắng	46,57		46,57	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
285	Khu đô thị Thái Sơn	47,81		47,81	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
286	Khu đô thị mới số 2 Quyết Thắng	42,58		42,58	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
287	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng	9,70		9,70	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
288	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân	7,77		7,77	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
289		1,91		1,91	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
290	Khu đô thị Cây Xanh	14,00		14,00	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
291	Khu tái định cư và nhà ở xã hội của Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1	18,19		18,19	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
292	Khu dân cư xóm Đồng Danh	3,57		3,57	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
293	Khu dân cư số 1, xã Thịnh Đức	2,70		2,70	Xã Thịnh Đức, TPTN	2021-2030
294	Khu tái định cư số 1 Sơn Cẩm	6,42		6,42	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
295	Khu tái định cư số 2 Sơn Cẩm	6,81		6,81	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
296	Xây dựng Khu tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	15,60		15,60	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030

297	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến+bên trái tuyến	44,43		44,43	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
298	Khu Giáo dục trải nghiệm và sản xuất nông nghiệp hữu cơ Eco Valley	24,60		24,60	Xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên	2021-2030
299	Công viên giải trí gắn liền với dịch vụ du lịch trải nghiệm có trách nhiệm và bảo tồn thiên nhiên Eco Valley	36,27		36,27	Xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên	2021-2030
300	Khu du lịch nghỉ dưỡng quốc tế 5 sao Hồ Núi Cốc	22,50		22,50	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	2021-2030
301	Khu đô thị Phúc Xuân - Phúc Trìu	600,00		600,00	Xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
302	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến+bên trái tuyến	50,80		50,80	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
303	Khu dân cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	17,27		17,27	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
304	Đầu tư xây dựng công trình xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn xóm Ao Vàng, xã Cao Ngạn (Giai đoạn 1)	3,71		3,71	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
305	Khu đô thị mới Cao Ngạn 2	48,80		48,80	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
306	Khu dân cư số 1 Phúc Xuân	11,64		11,64	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
307	Khu dân cư số 3, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	13,50		13,50	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
308	Khu dân cư sau UBND xã Sơn Cẩm	34,00		34,00	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030

309	Đất dự phòng khu tái định xóm 6	0,03		0,03	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
310	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư nông thôn xóm Đồng Danh	5,20		5,20	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
311	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (FLC)	500,00		500,00	Xã Linh Sơn, xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
312	Khu đô thị mới Phúc Xuân (thuộc Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị FLC Thái Nguyên)	180,00		180,00	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
313	Khu dân cư số 1 xóm Núi Hột	12,00		12,00	Xã Linh Sơn	2021-2030
314	Khu đô thị mới xã Linh Sơn	100,00		100,00	Xã Linh Sơn	2021-2030
315	Khu đô thị mới số 2 Linh Sơn - Huống Thượng	110,00		110,00	Xã Linh Sơn	2021-2030
316	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài đoạn từ cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh xã Quyết Thắng (bên trái tuyến + bên phải tuyến)	23,22	7,19	16,03	Xã Quyết Thắng	2021-2030
317	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng - Phúc Xuân	31,00		31,00	Xã Quyết Thắng, Phúc Xuân	2021-2030
318	Khu đô thị số 2 Huống Thượng	31,60		31,60	Xã Huống Thượng	2021-2030
319	Khu đô thị Linh Sơn - Huống Thượng, xã Linh Sơn và xã Huống Thượng thành phố Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	62,00		62,00	Xã Linh Sơn, Xã Huống Thượng, TPTN	

320	Khu đô thị số 1 xã Huống Thượng	19,88		19,88	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
	2. Đất chuyên dùng	**2770,24**	**26,52**	**2743,72**		
	2.1. Đất trụ sở cơ quan	**6,07**	**0,00**	**6,07**		
321	Xây dựng tạm nhà để xe và nhà đa năng của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	0,04		0,04	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
322	Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Thái Nguyên	4,00		4,00	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
323	Xây dựng trụ sở UBND phường Trung Thành	0,63		0,63	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
324	Đất trụ sở UBND phường Chùa Hang	0,05		0,05	Phường Chùa Hang	2021-2030
325	Xây dựng trụ sở UBND xã Phúc Hà	0,63		0,63	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
326	Xây dựng trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND phường Quan Triều	0,40		0,40	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
327	Mở rộng UBND xã Phúc Trìu	0,05		0,05	Xã Phúc Trìu	2021-2025
328	Xây dựng Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	0,27		0,27	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
	2.2. Đất an ninh	**30,68**	**1,02**	**29,67**		
329	Trung tâm bồi dưỡng, huấn luyện	4,00		4,00	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
330	Đội cảnh sát PCCC phía Bắc	2,00		2,00	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
331	Đội cảnh sát PCCC phía Nam	2,00		2,00	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
332	Mở rộng trụ sở phòng cảnh sát giao thông	2,00		2,00	Phường Phan Đình Phùng	2021-2030
333	Trạm cảnh sát giao thông trên tuyến QL 3	1,00		1,00		2021-2030

334	Trạm cảnh sát giao thông trên tuyến QL 3	1,00		1,00		2021-2030
335	Trạm cảnh sát giao thông trên tuyến QL 3	1,00		1,00	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
336	Khu gia đình công an Đồng Hỷ cũ	0,02		0,02	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
337	Quy hoạch doanh trại công an	10,00		10,00	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
338	Mở rộng công an phường Hương Sơn	0,09	0,06	0,03	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
339	Mở rộng Công an tỉnh (cơ sở 1)	0,08		0,08	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
340	Mở rộng công an phường Trung Thành	0,05	0,02	0,03	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
341	Mở rộng công an phường Chùa Hang	0,07		0,07	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
342	Xây dựng công an phường Tích Lương	0,21		0,21	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
343	Xây dựng trụ sở công an phường Tân Thành	0,10		0,10	Phường Tân Thành,	2021-2025
344	Xây dựng trụ sở công an phường Tân Lập	0,30		0,30	Phường Tân Lập	2021-2025
345	Mở rộng trụ sở công an phường	0,20	0,09	0,11	Phường Tân Long	2021-2025
346	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,07	0,24	Phường Thịnh Đán	2021-2025
347	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,03	0,27	Phường Trưng Vương	2021-2030
348	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,09	0,21	Phường Hoàng Văn Thụ	2021-2030
349	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,06	0,24	Phường Tân Thịnh	2021-2030
350	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,05	0,26	Phường Cam Giá	2021-2030
351	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,03	0,28	Phường Quang Vinh	2021-2030
352	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,10	0,20	Phường Phú Xá	2021-2030

353	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,05	0,25	Phường Giá Sàng	2021-2030
354	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,04	0,26	Phường Túc Duyên	2021-2030
355	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,03	0,27	Phường Đồng Quang	2021-2030
356	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,03	0,27	Phường Quang Trung	2021-2030
357	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,05	0,25	Phường Phan Đình Phùng	2021-2030
358	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,09	0,21	Phường Chùa Hang	2021-2030
359	Mở rộng trụ sở công an phường	0,30	0,09	0,21	Phường Đồng Bẩm	2021-2030
360	Xây dựng trụ sở công an phường Quan Triều	0,15	0,05	0,10	Phường Quan Triều	2021-2025
361	Xây dựng trụ sở công an xã Linh Sơn	0,21		0,21	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
362	Xây dựng trụ sở công an xã Đồng Liên	0,18		0,18	Xã Đồng Liên, TPTN	2021-2030
363	Xây dựng trụ sở công an xã Phúc Trìu	0,13		0,13	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
364	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Cương	0,13		0,13	Xã Tân Cương, TPTN	2021-2030
365	Xây dựng trụ sở công an xã Sơn Cẩm	0,60		0,60	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
366	Xây dựng trụ sở công an xã Quyết Thắng	0,17		0,17	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
367	Xây dựng trụ sở công an xã Phúc Hà	0,15		0,15	Xã Phúc Hà, TPTN	2021,2023
368	Xây dựng trụ sở công an xã Phúc Xuân	0,20		0,20	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
369	Xây dựng trụ sở công an xã Thịnh Đức	0,15		0,15	Xã Thịnh Đức TPTN	2021-2030
370	Xây dựng trụ sở công an xã Huống Thượng	0,15		0,15	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
371	Xây dựng trụ sở công an xã Cao Ngạn	0,15		0,15	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
	2.3. Đất quốc phòng	**93,68**	**0,00**	**93,68**		
372	Trận địa SMPK 12,7 mm	0,31		0,31	Phường Phú Xá, TPTN	2023
373	Trận địa SMPK 12,7 mm	1,11		1,11	Phường Cam Giá, TPTN	2023

374	Trận địa SMPK 14,5mm	0,20		0,20	Phường Quang Vinh, TPTN	2023
375	Trận địa SMPK 12,7 mm	0,16		0,16	Xã Đồng Liên, TPTN	2023
376	Dự kiến làm CCCĐ 02	5,00		5,00	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2026
377	Khu lưu niệm trung đoàn 88 Tu Vũ	0,15		0,15	Xã Tân Cương, TPTN	2021-2030
378	Thao trường bắn cấp Trung đoàn của LLVT thành phố Thái Nguyên	32,83		32,83	Xã Tân Cương, TPTN	2021-2026
379	Dự kiến làm Căn cứ Hậu phương	40,00		40,00	Xã Tân Cương, Phúc Trìu, TPTN	2021-2026
380	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, xã Quyết Thắng	4,30		4,30	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021
381	Xây dựng các căn cứ chiến đấu của thành phố Thái Nguyên	5,30		5,30	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2025
382	Xây dựng các căn cứ chiến đấu của thành phố Thái Nguyên	0,38		0,38	Phường Tích Lương, TPTN	2021
383	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Chùa Hang	0,03		0,03	Phường Chùa Hang,TPTN	2021-2030
384	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Thịnh Đán	0,10		0,10	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
385	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Quang Vinh	0,03		0,03	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
386	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Tích Lương	0,21		0,21	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
387	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Phú Xá	0,05		0,05	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2025
388	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Tân Thành	0,05		0,05	Phường Tân Thành	2021-2025
389	Mở rộng Tiểu đoàn 4 - Lữ đoàn 210 - QKI	1,00		1,00	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2025
390	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Cam Giá	0,05		0,05	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2025

391	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Quan Triều	0,40		0,40	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2025
392	Xây dựng trụ ở quân sự phường Quang Trung	0,07		0,07	Phường Quang Trung	2021-2025
393	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Hương Sơn	0,08		0,08	Phường Hương Sơn	2021-2025
394	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Tân Long	0,03		0,03	Phường Tân Long	2021-2025
395	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Tân Lập	0,04		0,04	Phường Tân Lập	2021-2025
396	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thịnh Đức	0,03		0,03	Phương Thịnh Đức	2021-2025
397	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phúc Xuân	0,03		0,03	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
398	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phúc Trìu	0,07		0,07	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
399	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tân Cương	0,20		0,20	Xã Tân Cương	2021-2025
400	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Sơn Cẩm	0,60		0,60	Xã Sơn Cẩm	2021-2025
401	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phúc Hà	0,10		0,10	Xã Phúc Hà	2021-2025
402	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Quyết Thắng	0,04		0,04	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2025
403	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Cao Ngạn	0,05		0,05	Xã Cao Ngạn	2021-2025
404	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Linh Sơn	0,30		0,30	Xã Linh Sơn	2021-2025
405	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Huống Thượng	0,20		0,20	Xã Huống Thượng	2021-2025
406	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Đồng Liên	0,15		0,15	Xã Đồng Liên, TPTN	2021-2025
407	Xây dựng ban chỉ huy quân sự phường Túc Duyên	0,03		0,03	Phường Túc Duyên, TPTN	
	2.4. Đất xây dựng công trình sự nghiệp	**338,48**	**0,00**	**338,48**		
	2.4.1. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	**4,05**	**0,00**	**4,05**		
408	Tháp Antel truyền hình Thái Nguyên	2,16		2,16	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
409	Dự án xây dựng không gian văn hóa trà tại xã Tân Cương	0,81		0,81	Xã Tân Cương TPTN	2021-2030
410	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	1,08		1,08	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030

	2.4.2. Đất xây dựng cơ sở văn hóa	**13,26**	**0,00**	**13,26**		
	Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Thái Nguyên	12,00		12,00	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
411	Nhà văn hóa tổ 11 phường Tân Thịnh	0,04		0,04	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
412	Nhà văn hóa tổ 14 phường Trung Thành	0,03		0,03	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
413	Nhà văn hóa tổ 7 phường Trung Thành	0,06		0,06	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
414	Nhà văn hóa tổ 11 phường Túc Duyên	0,05		0,05	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
415	Nhà văn hóa tổ 3 phường Túc Duyên	0,04		0,04	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
416	Nhà văn hóa tổ 6	0,02		0,02	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
417	Nhà văn hóa tổ 7 phường Tân Long	0,16		0,16	Phường Tân Long	2021-2030
418	Nhà văn hóa trung tâm phường Tân Long	0,30		0,30	Phường Tân Long	2021-2030
419	Nhà văn hóa xóm Nam Đồng	0,08		0,08	Xã Tân Cương TPTN	2021-2030
420	Trung tâm văn hóa xã Sơn Cẩm	0,20		0,20	Xã Sơn Cẩm	2021-2025
421	Trung tâm văn hóa thể thao phường Quan Triều	0,10		0,10	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2025
422	Nhà văn hóa tổ 6 phường Tân Thành	0,08		0,08	Phường Tân Thành	2021-2025
423	Trung tâm văn hóa phường Tân Thịnh	0,10		0,10	Phường Tân Thành	2021-2025
	2.4.3. Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	**0,00**	**0,00**	**0,00**		
	2.4.4. Đất xây dựng cơ sở y tế	**23,29**	**0,00**	**23,29**		
424	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Thái Nguyên	4,92		4,92	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
425	Mở rộng Bệnh viện A Thái Nguyên	1,50		1,50	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030

426	Mở rộng bệnh viện mắt	0,06		0,06	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2021-2030
427	Xây dựng công trình xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Nguyên	0,15		0,15	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
428	Bệnh viện chuyên khoa tư nhân điều dưỡng và phục hồi chức năng	12,50		12,50	Phường Tân Long, TPTN	2021-2030
429	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	4,00		4,00	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
430	Xây dựng Trạm y tế xã Phúc Hà	0,11		0,11	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
431	Mở rộng trạm y tế	0,03		0,03	Xã Sơn Cẩm	2021-2025
432	Mở rộng trạm y tế phường Phú Xá	0,02		0,02	Phường Phú Xá	2021-2025
433	Mở rộng sân chơi trường mầm non Tân Thành	0,01		0,01	Phường Tân Thành	2021-2025
	2.4.5. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	**36,86**	**0,00**	**36,86**		
434	Trường mầm non Đồng Liên	0,17		0,17	Xã Đồng Liên, TPTN	2021-2030
435	Cải tạo nâng cấp Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	0,02		0,02	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
436	Trụ sở trung tâm giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên, TPTN	0,59		0,59	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
437	Trường mầm non Túc Duyên xây dựng lớp học 2 tầng 8 phòng	0,14		0,14	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
438	Trụ sở phòng giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Nguyên	0,59		0,59	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
439	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên	1,33		1,33	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
440	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Thịnh Đức	0,02		0,02	Xã Thịnh Đức, TPTN	2021-2030

441	Mở rộng trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc	0,98		0,98	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
442	Xây dựng Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc	4,11		4,11	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
443	Trường Mầm non Liên cơ gang thép	0,10		0,10	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
444	Xây dựng trường mầm non Quang Vinh. Hạng mục: San nền, nhà lớp học, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ trường mầm non Quang Vinh	0,70		0,70	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
445	Trường THCS Quang Vinh TPTN hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ	0,30		0,30	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
446	Xây dựng trường mầm non Hương Sơn	0,63		0,63	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
447	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Tân Long	0,08		0,08	Phường Tân Long, TPTN	2021-2030
448	Trường mầm non Quan Triều, thành phố Thái Nguyên (Phân hiệu 2). Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	0,19		0,19	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
449	Trường mầm non (phân hiệu 1) phường Cam Giá	0,24		0,24	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
450	Trường mầm non (phân hiệu chính) phường Cam Giá	0,14		0,14	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
451	Trường Tiểu học (phân hiệu chính) phường Cam Giá	0,03		0,03	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
452	Trường THCS (phân hiệu 2) phường Cam Giá	0,90		0,90	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
453	Trường tiểu học Cam Giá, thành phố Thái Nguyên (Phân hiệu 2). Hạng mục: San nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	0,78		0,78	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
454	Trường mầm non Cam Giá, thành phố Thái Nguyên (Phân hiệu 2). Hạng mục: San nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	0,51		0,51	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030

455	Mở rộng Trường mầm non Sơn Cẩm	0,30		0,30	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
456	Trường tiểu học Phúc Trìu	0,48		0,48	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
457	Trường trung học cơ sở Phúc Trìu	0,05		0,05	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
458	Trường mầm non Phúc Trìu	0,33		0,33	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
459	Trường tiểu học Lương Ngọc Quyến	0,05		0,05	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
460	Trường mầm non Tân Lập	0,25		0,25	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
461	Trường THCS Tân Thịnh	0,73		0,73	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
462	Mở rộng trường tiểu học Lê Văn Tám	0,17		0,17	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
463	Mở rộng trường tiểu học Trung Thành (hạng mục sân tập thể dục thể thao)	0,10		0,10	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
464	Trường Đại học Việt Bắc	0,46		0,46	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
465	Trường mầm non Hương Sen	0,33		0,33	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
466	Trường Tiểu học - THCS - THPT ICO SCHOOL THÁI NGUYÊN	6,00		6,00	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
467	Trường phổ thông liên cấp chất lượng cao Quyết Thắng	5,00		5,00	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
468	Truường mầm non xã Phúc Hà	0,33		0,33	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
469	Truường tiểu học xã Phúc Hà	0,95		0,95	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
470	Trường trung học cơ sở xã Phúc Hà	1,03		1,03	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
471	Trường Trung cấp nghề Thái Hà	1,14		1,14	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
472	Trung tâm trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống	6,00		6,00	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
473	Trường mầm non Chùa Hang	0,50		0,50	Phường Chùa Hang,TPTN	2021-2030
474	Sân tập thể dục cho học sinh trường tiểu học Tân Cương	0,10		0,10	Xã Tân Cương TPTN	2021-2030

	2.4.6. Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	**257,02**	**0,00**	**257,02**		
475	Sân Golf Hồ Núi Cốc	122,00		122,00	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
		12,82		12,82	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
476	Mở rộng trung tâm dịch vụ và thi đấu thể thao tỉnh Thái Nguyên	1,10		1,10	Phường Trưng Vương	2021-2030
477	Khu Liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	118,00		118,00	Xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
478	Sân vận động phường Chùa Hang	0,90		0,90	Phường Chùa Hang,TPTN	2021-2030
479	Di dời sân bóng xã Phúc Hà	1,00		1,00	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
480	Khu vui chơi giải trí thể dục thể thao	1,20		1,20	Phường Hương Sơn, TPTN	2021-2030
	2.4.7. Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	**4,00**	**0,00**	**4,00**		
481	Xây dựng trại thực nghiệm của Trung tâm Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên thuộc Sở KH&CN Thái Nguyên.	4,00		4,00	Xã Thịnh Đức, TPTN	2020-2024
	2.4.8. Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	**0,00**				
	2.4.9. Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	**0,00**				
	2.5. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	**1421,79**	**25,50**	**1396,29**		
	2.5.1. Đất khu công nghiệp	**128,97**	**0,00**	**128,97**		
482	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thùng Ong	24,00		24,00	xã Đồng Liên	
483	Khu công nghiệp Quyết Thắng	30,70		30,70	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
		60,00		60,00	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
		14,27		14,27	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
	2.5.2. Đất cụm công nghiệp	**664,86**	**25,28**	**639,58**		
484	Xây dựng hạ tầng Cụm Công	75,00	8,48	66,52	Xã Sơn Cẩm,	2021-

	nghiệp Sơn Cẩm 1				TPTN	2030
485	Xây dựng hạ tầng CCN Sơn Cẩm 2	29,74		29,74	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
486	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 3	30,00	16,8	13,20	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
487	CCN số 1	7,87		7,87	Phường Tân Lập	2021-2030
488	CCN số 2	6,07		6,07	Phường Tân Lập	2021-2030
489	CCN số 5	39,67		39,67	Phường Tân Thành	2021-2030
490	CCN Cao Ngạn 1	75,00		75,00	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
491	CCN Cao Ngạn 2	50,00		50,00	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
492	CCN Thịnh Đức - Tích Lương	350,00		350,00	Phường Tích Lương, Thịnh Đức,TPTN	2021-2030
493	Xây dựng nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp autuclaved concrete acc xã Cao Ngạn	1,15		1,15	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
494	Nhà máy sản xuất bê tông và gạch ngói Việt Cường tại Cụm công nghiệp Cao Ngạn	0,36		0,36	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
	2.5.3. Đất khu chế xuất	**0,00**	**0,00**	**0,00**		
	2.5.4. Đất Thương mại, dịch vụ	**394,16**	**0,05**	**394,11**		
495	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại, trưng bày giới thiệu sản phẩm kết hợp chăm sóc sắc đẹp và vui chơi giải trí cho trẻ em	0,02		0,02	Phường Đồng Quang, TPTN	2021-2030
496	Nâng cấp trung tâm kiểm định chất lượng sản phẩm nông nghiệp (chè)	0,05	0,05	0,00	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2025
497	Khu sinh thái khu Đầm Lầy xã Huống Thượng	188,00		188,00	Xã Huống Thượng, Đồng Liên, TPTN	2021-2030
498	Khu nghỉ dưỡng lão và du lịch sinh thái - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và	24,17		24,17	Xã Phúc Xuân TPTN, TPTN	2021-2030

	thương mại Đông Á					
499	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng 5 sao Hồ Núi Cốc	22,20		22,20	Xã Phúc Xuân TPTN, TPTN	2021-2030
500	Khu du lịch dược liệu, biệt thự nghỉ duwỡng Hồ Núi Cốc	40,00		40,00	Xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
501	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị FLC Thái Nguyên	40,00		40,00	Xã Quyết Thắng, Xã Phúc Xuân và Xã Phúc Trìu TPTN	2021-2030
502	Trung tâm thương mại khách sạn, văn phòng cho thuê và căn hộ - phường Trưng Vương	0,34		0,34	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
503	Rạp chiếu bóng tỉnh Thái Nguyên, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0,50		0,50	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
504	Tổ hợp khách sạn 4-5 sao tiêu chuẩn quốc tế, trung tâm hội nghị, khu phố đi bộ và nhà ở	1,86		1,86	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
505	Tổ hợp chợ Truyền thống, TT thương mại dịch vụ Gia Sàng (tên cũ là đầu tư xây dựng chợ Gia Sàng)	0,12		0,12	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
506	Khu TTTM TP Thái Nguyên (Khu vực nút giao đường Hùng Vương - Nha Trang)	0,60		0,60	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
507	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu - Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ	0,10		0,10	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
508	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu - Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ	0,11		0,11	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
509	Trung tâm thương mại Chùa Hang	1,00		1,00	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
510	Dự án khu bảo tồn làng nhà sàn du lịch sinh thái Thái Hải	71,20		71,20	Xã Thịnh Đức, TPTN	2021-2030

511	Trạm trộn bê tông thương phẩm của Công ty TNHH Xây dựng và Xuất nhập khẩu 168 Thái Nguyên	1,90		1,90	Xã Thịnh Đức, TPTN	2021-2030
512	Văn phòng làm việc, nhà kho, nhà xưởng và bãi chứa hàng của Doanh nghiệp tư nhân Đại Cát Thành	0,49		0,49	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
513	Dự án khu thương mại dịch vụ và văn phòng Việt Cường	1,00		1,00	Phường Đồng Bẩm	2021-2025
514	Trung tâm dịch vụ bảo trì ô tô cao cấp Toyota Thái Nguyên	0,50		0,50	Phường Đồng Bẩm	2021-2025
	2.5.5.Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	**134,85**	**0,17**	**134,68**		
515	Đấu giá quyền sử dụng đất	100,00		100,00	TP. Thái Nguyên	2021-2030
516	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân	10,00		10,00	TP. Thái Nguyên	2021-2030
517	Đấu giá trụ sở khối dân	0,11		0,11	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2025
518	Đấu giá thành đội	0,88		0,88	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2025
519	Đấu giá ban chỉ huy quân sự huyện Đồng Hỷ	0,43		0,43	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
520	Đấu giá tòa án thành phố	0,16		0,16	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2025
521	Đấu giá thư viện thành phố	0,05		0,05	Phường Phan Đình Phùng	2021-2025
522	Đấu giá kho bạc thành phố	0,24		0,24	Phường Trưng Vương	2021-2025
523	Đấu giá trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh	0,08		0,08	Phường Trưng Vương	2021-2025
524	Đấu giá trạm thú y khu đường tròn Chùa Hang	0,04		0,04	Phường Chùa Hang	2021-2025
525	Đấu giá trụ sở trung tâm kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Hỷ	0,03		0,03	Phường Đồng Bẩm	2021-2025
526	Đấu giá trụ sở UBND phường Trung Thành	0,09		0,09	Phường Trung Thành	2021-2025

527	Mở rộng Kiot Xăng khu Ao Voi	0,05		0,05	Phường Đồng Bẩm	2021-2025
528	Mở rộng công trình phụ trợ Chi nhánh may Việt Thái (Cty CP thương mại TNG)	0,26		0,26	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
529	Khu kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu lâm nông sản - Công ty CP gỗ Phượng Anh	0,65		0,65	Phường Tân Thành, TPTN	2021-2030
530	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	0,17	0,17	0,00	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2025
531	Xây dựng sàn giao dịch công nghệ và thiết bị	0,05		0,05	TP. Thái Nguyên	2021-2025
532	Xây dựng trụ sở làm việc công ty cổ phần Ha Bơ	0,10		0,10	Phường Thịnh Đán	2021-2030
533	Xây dựng trụ sở, gara và cửa hàng bán phụ tùng ô tô xe máy - Doanh nghiệp tư nhân Tín Phát	0,26		0,26	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
534	Nhà máy chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao Linh Sơn	3,00		3,00	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
535	Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	4,00		4,00	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
536	Xây dựng nhà máy điện tử Glonics	0,02		0,02	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
537	Công ty TNHH DV TM Trang Oanh	0,15		0,15	Phường Cam Giá	2021-2030
538	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Hồng Hà	0,60		0,60	Phường Cam Giá	2021-2030
539	Công ty TNHH Tuệ Lâm	0,80		0,80	Phường Cam Giá	2021-2030
540	Công ty CP Hà Linh	1,70		1,70	Phường Cam Giá	2021-2030
541	DN Tư nhân Bảo Liên	0,40		0,40	Phường Cam Giá	2021-2030
542	Công ty TNHH phát triển kinh doanh Gia Bảo	0,54		0,54	Phường Cam Giá	2021-2030
543	Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	10,00		10,00	Trên địa bàn các xã, phường	2021-2030

					TPTN	
	2.5.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	**92,95**	**0,00**	**92,95**		
544	Dự án: Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa- Hạng mục Hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiền, xã Phúc Hà, TP Thái Nguyên	12,70		12,70	Xã Phúc Hà	2021-2030
545	Dự án: Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa- Hạng mục Mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá tại xóm 1, xóm 2, xóm Um xã Phúc Hà, TP Thái Nguyên	24,60		24,60	Xã Phúc Hà	2021-2030
546	Mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	14,64		14,64	Xã Sơn Cẩm, Xã Phúc Hà, Phường Tân Long TPTN, huyện…	2021-2030
547	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà	19,50		19,50	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
548	Mở rộng bãi thải Nam, nắn suối CD, Hành lang an toàn Công ty than Khánh Hòa xã Phúc Hà	16,08		16,08	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
549	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà (mới bổ sung 2020)	4,04		4,04	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
550	Mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	1,39		1,39	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
	2.5.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	**6,00**	**0,00**	**6,00**		
551	Trạm trộn bê tông thương phẩm tại xã Quyết Thắng TPTN	2,00		2,00	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
552	Khai thác khoáng sản cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	4,00		4,00	Xã Thịnh Đức	2021-2025
	2.6. Đất có mục đích công cộng	**879,53**	**0,00**	**879,53**		
	2.6.1. Đất giao thông	**149,05**	**0,00**	**149,05**		
553	Đầu tư xây dựng đường Bắc Sơn kéo dài đoạn km0+00 đến km 3+500 theo hình thức đối tác công tư (PPP) – hợp	0,05		0,05	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030

	đồng BT (địa phận phường Thịnh Đán)					
554	Nâng cấp cải tạo tuyến đường tỉnh ĐT.262 đến Dốc Lim	13,48		13,48	Xã Thịnh Đức, Phường Thịnh Đán	2021-2030
555	Nâng cấp đường Lê Hữu Trác, phường Tân Lập	0,23		0,23	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
		1,33		1,33	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
556	Nâng cấp đường Việt Bắc (giai đoạn 2) - địa phận Tân Lập	0,40		0,40	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
557	Nâng cấp cầu Đán	0,68		0,68	Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
558	Nâng cấp đường Việt Bắc - Giai đoạn 2, P. Trung Thành.	0,53		0,53	Phường Trung Thành, TPTN	2021-2030
559	Đường giao thông khu dân cư số 1	0,10		0,10	Phường Trưng Vương	2021-2030
560	Nâng cấp đường Việt Bắc, giai đoạn 1	0,04		0,04	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
561	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	2,20		2,20	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
562	Trường Tiểu Học số 1 Linh Sơn	0,40		0,40	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
563	Nâng cấp đường Việt Bắc giai đoạn II, phường Phú Xá (chương trình đô thị miền núi phía Bắc – TP Thái Nguyên GDD)	4,58		4,58	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
564	Đường BS kéo dài đoạn Km0+300 đến Km3+500	0,03		0,03	Phường Quang Trung, TPTN	2021-2030
565	Cầu vượt đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (Nút giao Quang Trung với đường Việt Bắc)	1,16		1,16	Phường Quang Trung, Đồng Quang, TPTN	2021-2030
566	Cải tạo, mở rộng đường Phú Thái	0,06		0,06	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
567	Nâng cấp đường Cù vân An Khánh Phúc Hà	2,20		2,20	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030

568	Nâng cấp đường Khu dân cư Đồng Bẩm	11,60		11,60	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
569	Xây dựng cấp bách đường nối từ Khu dân cư A1 - A2 đến Khu dân cư sau Chợ Minh Cầu phường Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên	0,56		0,56	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
570	Đường Xuân Hòa kéo dài	3,40		3,40	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
		0,60		0,60	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
571	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 0+00 đến Km 3+500 (nút giao đường Tố Hữu) theo hình thức đối tác công tư (PPP)- Hợp đồng BT, địa phận phường Tân Thịnh	0,86		0,86	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030
572	Đường vào doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên	0,20		0,20	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
573	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 0+00 đến Km 3+500 theo hình thức đối tác công tư (PPP)- Hợp đồng BT	0,65		0,65	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
574	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 3+500 (nút giao đường Tố Hữu) đến Km 9+500 theo hình thức đối tác công tư (PPP)- Hợp đồng BT, địa phận xã Quyết Thắng	1,35		1,35	Xã Quyết Thắng, TPTN	2021-2030
575	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 3+500 đến Km 9+500 theo hình thức đối tác công tư (PPP)- Hợp đồng BT	4,71		4,71	Xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
576	Cầu qua kênh chính Núi Cốc xã Phúc Trìu	0,05		0,05	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
577	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam	4,42		4,42	Xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, TPTN	2016-2030
578	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc (giai đoạn 2)	10,00		10,00	Xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
579	Xây dựng đường Bắc Nam và Cầu Huống Thượng, phường Gia Sàng	3,91		3,91	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
		3,27		3,27	Phường Túc	2021-

					Duyên, TPTN	2030
		5,33		5,33	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
580	Xây dựng đường Huống Thượng - Chùa Hang, phường Đồng Bẩm	13,74		13,74	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
		1,95		1,95	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
		9,67		9,67	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
		13,67		13,67	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
581	Nâng cấp đường khu dân cư Đồng Bẩm, xã Linh Sơn	1,66		1,66	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
582	Xây dựng đường Tránh bãi thải Tây	0,57		0,57	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
583	Cải tao, nâng cấp tuyến đường đi bến Giềng - Vô Tranh, xã Sơn Cẩm, TPTN	7,00		7,00	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
584	Xây dựng bến xe khách phía Bắc thành phố Thái Nguyên	3,50		3,50	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
585	Xây dựng cầu bến Giềng, xã Sơn Cẩm, TPTN	0,14		0,14	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
586	Nâng cấp cái tạo đường Phúc Thuận - Phúc Tân - Phúc Trìu	0,48		0,48	TP. Thái Nguyên	2021-2030
587	Cải tạo nâng cấp đường thanh niên xung phong và khu dân cư hai bên đường	17,33		17,33	Phường Gia Sàng, Tân Lập, Phú Xá	2021-2030
588	Đường giao thông tổ dân phố 7	0,20		0,20	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
589	Nâng cấp, cái tạo tuyến đường ngõ 100 phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,06		0,06	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2021-2030
590	Nâng cấp đường vào trung tâm giáo dục lao động xã hội	0,70		0,70	Phường Tân Thành, TPTN	2021-2030
	2.6.2. Đất thủy lợi	**347,24**	**0,00**	**347,24**		

591	Dự án số 1 Xây dựng hoàn thiện hệ thống đê bờ Hữu sông Cầu đoạn qua thành phố Thái Nguyên và số 4: xây dựng kè chống sạt lở hai bên sông thuộc Đề án cấp bách hệ thống chống lũ lụt sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ sông Cầu	10,00		10,00	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
		3,45		3,45	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
		11,30		11,30	Phường Quang Vinh, TPTN	2021-2030
		0,90		0,90	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2021-2030
		0,60		0,60	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
		5,00		5,00	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
		3,50		3,50	Phường Gia Sàng, TPTN	2021-2030
		3,50		3,50	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
592	Dự án số 2 Xây dựng hoàn thiện hệ thống đê bờ Tả sông Cầu đoạn qua thành phố Thái Nguyên và số 4: xây dựng kè chống sạt lở hai bên sông thuộc Đề án cấp bách hệ thống chống lũ lụt sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ sông Cầu	3,20		3,20	Xã Cao Ngạn, TPTN	2021-2030
		20,00		20,00	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
		14,00		14,00	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
		0,50		0,50	Phường Chùa Hang, TPTN	2021-2030
		3,60		3,60	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030

593	Dự án số 3: Xây dựng hoàn thiện hệ thống đê hai bên suối Mo Linh đoạn qua hành phố Thái Nguyên	15,08		15,08	Xã Linh Sơn; Phường Đồng Bẩm	2021-2030
594	Dự án số 4: Xây dựng hệ thống kè chống sạt lở đê hai bên bờ sông và xây dựng 3 bến thuyền tại thượng lưu cầu Quang Binh, cầu gia Bẩy và thượng lưu đập Thác Huống	9,61		9,61	Phường Quan Triều, Trưng Vương, Túc Duyên, Đồng Bẩm, xã Cao Ngạn	2021-2030
595	Dự án số 6: Nạo vét mở rộng lòng sông đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống	175,09		175,09	Phường Quan Triều, Quang Vinh, Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá, Xã Sơn Cẩm, Huống Thượng, Linh Sơn	2021-2030
596	Dự án số 7: Xây dựng mở rộng đập Thác Huống, nâng cao mực nước đập Thác Huống về mua kiệt lên 2m so với cao trình cũ, xây dựng đập dâng Quang Vinh	3,60		3,60	Phường Quang Vinh, xã Huống Thượng	2021-2030
597	Dự án số 8: Xây dựng mới 4 cầu (Quang Vinh, Quang Vinh 2, Xuân Hòa, Huống Thượng) và sửa chữa nâng cấp cầu Gia Bẩy (Túc Duyên 1,93 ha; Huống Thượng 0,96 ha, Quang Vinh 3,12 ha; Đồng Bẩm 0,85 ha; Cao Ngạn 2,47 ha)	9,33		9,33	Phường Quang Vinh, Đồng Bẩm, Huống Thượng, xã Cao Ngạn	
598	Dự án số 9: Xây dựng mới cầu Bến Oánh qua sông Cầu và cầu Mo Linh qua suối Mo Linh	5,02		5,02	Phường Túc Duyên, xã Linh Sơn	2021-2030
599	Xây dựng hồ điều hòa tại khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	3,86		3,86	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030
600	Cải tạo Cống thoát nước khu vực tổ 8, tổ 9 phường Tân Thịnh, TPTN	0,01		0,01	Phường Tân Thịnh, TPTN	2021-2030

601	Xây dựng kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá TPTN	2,37		2,37	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
602	Cải tạo hệ thống thoát nước mương Xương Rồng	1,90		1,90	Phường Gia Sàng, Túc Duyên, Phan Đình Phùng, TPTN	2021-2030
603	Cải tạo hệ thống thoát nước mương Mỏ Bạch	7,34		7,34	Phường Tân Thịnh, Quang Trung, Hoàng Văn Thụ, Quang Vinh	2021-2030
604	Xây dựng công trình phòng chống lũ cho hạ du hồ Núi Cốc thích ứng với biến đổi khí hậu	20,00		20,00	TP. Thái Nguyên	2021-2025
605	Tiểu dự án cấp nước 4 - Cấp nước sinh hoạt xã Linh Sơn	0,09		0,09	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
606	Thủy điện Thác Huống	3,88		3,88	Xã Huống Thượng	2021-2030
607		0,38		0,38	Xã Thịnh Đức	2021-2030
608	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	0,04		0,04	TP. Thái Nguyên	2021-2030
609	Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	10,09		10,09	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2030
	2.6.3. Đất có di tích lịch sử - văn hóa	**0,51**	**0,00**	**0,51**		
610	Di dời đài tưởng niệm	0,40		0,40	Xã Phúc Hà, TPTN	2021-2030
611	Đài tưởng niệm anh hùng liệt sỹ	0,11		0,11	Phường Tân Thành, TPTN	2021-2030
	2.6.4. Đất danh lam thắng cảnh	**0,00**				
	2.6.5. Đất sinh hoạt cộng đồng	**0,00**				
	2.6.6. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	**90,28**	**0,00**	**90,28**		

612	Khu Văn hóa thể thao vui chơi giải trí phục vụ công cộng Linh Sơn Hills	50,28		50,28	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
613	Dự án công viên cây xanh kết hợp vui chơi giải trí	40,00		40,00	Phường Đồng Bẩm, TPTN	2021-2030
	2.6.7. Đất công trình năng lượng	**262,36**	**0,00**	**262,36**		
614	Xây dựng công trình đường điện 478 Thịnh Đán E6.1-475 Lưu Xá E6.5	0,11		0,11	Phường Thịnh Đán, Phường Cam Giá, Phường Túc Duyên, Xã Huống Thượng	2021-2030
615	Đường dây 110 KV từ TBA 220 KV Lưu Xá - TBA 110KV Gang Thép	0,18		0,18	Xã Thịnh Đức, Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
616	Cải tạo đường dây điện ĐZ 22kv lộ 471 và 473 trạm 110kv Thịnh Đán cấp điện cho khu Nam Hồ Núi Cốc	0,08		0,08	Phường Tân Thịnh, Phường Thịnh Đán, Xã Quyết Thắng, Xã Phúc Xuân	2021-2030
617	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kv lộ 380 và 381 trạm 220kv Thái Nguyên	0,01		0,01	Phường Quan Triều, TPTN	2021-2030
618	Xuất tuyến 110 kV sau trạm biến áp 220kv Lưu Xá	0,16		0,16	Xã Thịnh Đức, TPTN	2021-2030
619	Cải tạo, xây dựng mới các TBA chống quá tải khu vực TP Thái Nguyên	185,09		185,09	TP. Thái Nguyên	2021-2025
620	Xây dựng mới đường dây và trạm biến áp 110kV vùng II tỉnh Thái Nguyên	6,00		6,00	TP. Thái Nguyên	2021
621	TBA 500kV Thái Nguyên (ĐZ 220kV ĐN Lưu Xá - Phú Bình dài: 8,5km -ĐZ 220kV ĐN Bắc Kạn - Thái Nguyên và Tuyên Quang - Thái Nguyên: 18,7km)	5,00		5,00	TP. Thái Nguyên	2021-2025
622	ĐZ 500kV Hiệp Hòa - Thái Ngyên	65,00		65,00	TP. Thái Nguyên	2021-2025

623	Dự án nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Thái Nguyên do EU tài trợ	0,05		0,05	TP. Thái Nguyên	2023
624	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung áp khu vực thành phố Thái nguyên (KFW3)	0,62		0,62	Phường Quang Trung, Đồng Quang, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Trưng Vương, Quán Triều, Phú Xá, Cam Giá, Thịnh Đức, Tân Lập, Tích Lương, Trung Thành, TPTN	2021-2030
625	Xuất tuyến trung áp sau trạm biến áp 110kV Gang Thép	0,05		0,05	Phường Cam Giá, Phường Hương Sơn và Xã Đồng Liên	2021-2030
	2.6.8. Đất công trình bưu chính, viễn thông	**0,01**	**0,00**	**0,01**		
626	Trung tâm hỗ trợ điều hành thông minh (IOC) tỉnh Thái Nguyên - Tập đoàn Viettel	0,01		0,01	Phường Trưng Vương, TPTN	2021-2030
	2.6.9. Đất chợ	**5,24**	**0,00**	**5,24**		
627	Chợ nông sản thực phẩm Tân Thành	0,50		0,50	Phường Tân Thành, TPTN	2021-2030
628	Chợ nông sản thực phẩm Huống Thượng	3,00		3,00	Xã Huống Thượng, TPTN	2021-2030
629	Chuyển đổi mô hình quản lý Chợ Khu Tây	0,24		0,24	Phường Cam Giá, TPTN	2021-2030
630	Chợ truyền thống	1,50		1,50	Xã Linh Sơn, TPTN	2021-2030
	2.6.10. Đất bãi thải, xử lý chất thải	**1,05**	**0,00**	**1,05**		
631	Trạm xử lý nước thải phục vụ các thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - phường Thịnh Đán	0,19		0,19	Phường Tân Lập, TPTN	2021-2030

632	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc	0,56		0,56	Phường Phú Xá, TPTN	2021-2030
633	Nhà máy xử lý chất thải (dịch vụ môi trường KC xanh)	0,30		0,30	Xã Tân Cương, TPTN	2021-2030
	2.6.11. Đất công trình công cộng khác	**23,79**	**0,00**	**23,79**		
634	Dự án đầu tư trồng và trưng bày cây cảnh, cải tạo khai thác cảnh quan Hồ Đội 1	1,40		1,40	Phường Tân Thành, TPTN	2021-2030
635	Xây dựng cảnh quan cây xanh dọc 2 bên đường Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (trong đường Bắc Sơn kéo dài)	19,00		19,00	Phường Thịnh Đán, xã Quyết Thắng, xã Phúc Xuân, TPTN	2021-2030
636	Xây dựng bến xe khách phía Nam thành phố Thái Nguyên	2,88		2,88	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
637	Khu cây xanh thể dục, thể thao	0,51		0,51	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2021-2030
	3. Đất cơ sở tôn giáo	**0,60**	**0,00**	**0,60**		
638	Chùa Phúc Linh	0,60		0,60	Xã Phúc Trìu, TPTN	2021-2025
	4. Đất cơ sở tín ngưỡng	**0,02**	**0,00**	**0,02**		
639	Khôi phục Đình Đồng Mỗ	0,02		0,02	Phường Túc Duyên, TPTN	2021-2030
	5. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	**189,33**	**18,00**	**171,33**		
640	Mở rộng Nghĩa trang An Lạc Viên INDEVCO Thái Nguyên tại xã Thịnh Đức và phường Thịnh Đán	145,92	18,00	127,92	Xã Thịnh Đức, Phường Thịnh Đán, TPTN	2021-2030
641	Mở rộng và cải tạo, chỉnh trang Nghĩa trang Dốc Lim tại Xã Thịnh Đức, phường Thịnh Đán	0,07		0,07	Xã Thịnh Đức, phường Thịnh Đán	2021-2030
642	Nghĩa trang khu Nam-TP Thái Nguyên	43,34		43,34	Phường Tích Lương, TPTN	2021-2030
	6. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	**0,00**				

	7. Đất có mặt nước chuyên dùng	**0,00**				
	8. Đất phi nông nghiệp khác	**0,00**				
	9. Các công trình, dự án khác	**24,60**	**0,00**	**24,60**		**2021-2030**
643	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đồng Liên	24,60		24,60	Xã Đồng Liên	2021-2030